

# BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-138583

03/01/2023

Khách hàng: VIN-919 VINCOMMERCE - VINMART CROSS DOCKING

Nhà cung cấp: 2003606 NGOC THOM-C

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại hàng: **HÀNG MÁT**

Loại xe giao hàng:

Số xe: 51C-72795

Giờ nhận hàng:

Giờ kết thúc: 03/01/2023 12:41:00

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe: °C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên: °C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Tình trạng kiện hàng: Thùng rách ☐ Hư hỏng ☐ Mùi hôi ☐ Bẩn ☐ Móp méo ☐ Ướt, chảy nước ☐

| Mã hàng | Tên hàng          | Mã kho | Tên kho             | Số SO      | Nhận hàng thực tế |       |       |                   | Ghi chú |
|---------|-------------------|--------|---------------------|------------|-------------------|-------|-------|-------------------|---------|
|         |                   |        |                     |            | Net(kgs)          | Gross | Thùng | Khay2.5   Khay1.6 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3735   | CẦN THƠ-21-22 VỎ    | 4145693828 | 10.0              | 10.0  | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4763   | AN GIANG- Thừa 1    | 4145676038 | 3.8               | 3.8   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4630   | AN GIANG- TDS 47,   | 4145668793 | 1.2               | 1.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4593   | TIỀN GIANG- 915B    | 4145675073 | 3.9               | 3.9   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4572   | AN GIANG- 77 Ung    | 4145674389 | 2.7               | 2.7   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4560   | TIỀN GIANG-200 N    | 4145674757 | 5.6               | 5.6   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4550   | AN GIANG- 54A LÝ    | 4145674164 | 4.0               | 4.0   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4549   | AN GIANG-268/4 và   | 4145673952 | 4.0               | 4.0   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4547   | CẦN THƠ-1056 Qu     | 4145677602 | 7.4               | 7.4   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4459   | CẦN THƠ-18 ĐƯỠ      | 4145604203 | 5.7               | 5.7   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4346   | NHA TRANG-KHA 2     | 4145663836 | 3.0               | 3.0   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4314   | CẦN THƠ-83-85 Ng    | 4145609298 | 3.2               | 3.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4297   | VŨNG TÀU- 40 ĐỒ     | 4145673265 | 4.5               | 4.5   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 1607   | VM-TUY HÒA - P.YẾ   | 4145692962 | 15.0              | 15.0  | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3829   | CẦN THƠ- Khu Vực    | 4145668659 | 6.5               | 6.5   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4867   | KIÊN GIANG- 21 Ng   | 4145691538 | 3.5               | 3.5   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3697   | VŨNG TÀU A7-10/7    | 4145692295 | 10.0              | 10.0  | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3610   | NHA TRANG-513 D     | 4145694016 | 2.2               | 2.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3604   | TIỀN GIANG-152 Lý   | 4145691667 | 11.0              | 11.0  | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3457   | Vũng Tàu-21A Lê L   | 4145591029 | 4.6               | 4.6   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3424   | VŨNG TÀU- 410- 41   | 4145498991 | 11.2              | 11.2  | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3399   | Vũng Tàu- 93 Lê Lợi | 4145668357 | 1.5               | 1.5   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3331   | Vũng Tàu-602 Trươ   | 4145673804 | 6.1               | 6.1   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3111   | Nha Trang-Đặng Tất  | 4145676844 | 6.2               | 6.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 1705   | GATEWAY VŨNG T      | 4145628647 | 2.5               | 2.5   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 1703   | VM-Bạc Liêu-2       | 4145695930 | 16.5              | 16.5  | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 1642   | NHA TRANG-TRẦN      | 4145691990 | 12.2              | 12.2  | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 1615   | VM - Tây Ninh       | 4145666155 | 2.2               | 2.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 1613   | VM-NHA TRANG -L     | 4145698609 | 5.0               | 5.0   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4034   | NHA TRANG- BT01-    | 4145596923 | 4.0               | 4.0   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6246   | AN GIANG- 210 Thụ   | 4145675369 | 2.1               | 2.1   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6796   | Tây Ninh-06 Hoàng   | 4145699045 | 8.7               | 8.7   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6759   | AN GIANG-Tổ 8, Ấp   | 4145644291 | 2.7               | 2.7   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6756   | CẦN THƠ-09 Trần     | 4145608732 | 7.2               | 7.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6731   | VŨNG TÀU-180-182    | 4145591505 | 8.0               | 8.0   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6691   | AN GIANG-54-56 N    | 4145664279 | 11.5              | 11.5  | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6688   | AN GIANG- 191 Th    | 4145691982 | 3.7               | 3.7   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6655   | AN GIANG-108 Trư    | 4145619471 | 5.0               | 5.0   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6537   | AN GIANG- 582 đư    | 4145674936 | 3.2               | 3.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6515   | AN GIANG-140-142    | 4145693349 | 1.9               | 1.9   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6499   | LONG AN-74 ĐƯỠ      | 4145648302 | 6.2               | 6.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6483   | AN GIANG-Thừa 40    | 4145663869 | 2.2               | 2.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6426   | VŨNG TÀU- TR4, T    | 4145695457 | 6.2               | 6.2   | 1     |                   |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6411   | TIỀN GIANG-48 ĐƯ    | 4145694981 | 5.6               | 5.6   | 1     |                   |         |

Chỉnh  
(3/10)  
LTPH

CRK

|              |                   |      |                   |            |        |        |    |
|--------------|-------------------|------|-------------------|------------|--------|--------|----|
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4818 | KIẾN GIANG- 784 đ | 4145693433 | 4.9    | 4.9    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5356 | BẾN TRE- 600B1 N  | 4145694032 | 6.2    | 6.2    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6874 | AN GIANG- 662 Trà | 4145672683 | 5.5    | 5.5    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4961 | KIẾN GIANG- 208 N | 4145677492 | 5.9    | 5.9    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5078 | CẦN THƠ- Thừa 17  | 4145693632 | 2.1    | 2.1    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5106 | BẾN TRE- 298F Khu | 4145609262 | 5.0    | 5.0    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5118 | BẾN TRE-261K Đư   | 4145669383 | 3.0    | 3.0    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6406 | VŨNG TÀU-31/3 Ấp  | 4145577843 | 4.0    | 4.0    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5271 | CẦN THƠ-399 Nguy  | 4145620261 | 5.6    | 5.6    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6317 | VŨNG TÀU- 639 Võ  | 4145666299 | 8.5    | 8.5    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5480 | VŨNG TÀU- 28D1.2  | 4145692908 | 2.2    | 2.2    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5498 | TRÀ VINH-120 Trần | 4145624006 | 6.3    | 6.3    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5648 | Vũng Tàu- 117 NGU | 4145585133 | 4.2    | 4.2    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6011 | CẦN THƠ- 77 Mạc   | 4145670844 | 2.4    | 2.4    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6206 | TIỀN GIANG-2 đườ  | 4145597826 | 4.1    | 4.1    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4819 | KIẾN GIANG- 07-07 | 4145696000 | 3.4    | 3.4    | 1  |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5126 | VŨNG TÀU-159 Lê   | 4145672636 | 7.7    | 7.7    | 1  |
| TOTAL:       |                   |      |                   |            | 334.40 | 334.40 | 61 |
| GRAND TOTAL: |                   |      |                   |            | 334.40 | 334.40 | 61 |

**SCSVN**

**Lưu ý: Từ ngày 14/12/2016, nhà cung cấp phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Swire**

**Nhà cung cấp/ NVC**

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)  
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm tra niêm phong



## Đơn đặt hàng / Purchase Order

Được phê duyệt bởi: WM+ VTU 180-182 Võ Thị Sáu



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information)</b><br>CHI NHANH BÀ RỊA - VŨNG TÀU - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ<br>THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP WINCOMMERCE<br>Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam<br>MST: 0104918404-047<br><b>Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)</b><br>1731-WM+ VTU 180-182 Võ Thị Sáu<br>180-182 Võ Thị Sáu, TT. Long Điền, H. Long Điền T. Bà Rịa - Vũng Tàu<br>Việt Nam<br><b>Nhà cung cấp (Supplier): 0002003606</b><br>CÔNG TY TNHH MTV TMDV NGỌC THƠM<br>12/14/16 đường 49, Khu phố 7, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, | <b>Thông tin đơn hàng (Information)</b><br>Số đơn hàng (PO No.) 4145591505<br>Ngày đặt hàng (PO date) 28.12.2022<br>Nhóm đặt hàng (Purchaser) 002 - Giao hàng qua DC<br>Người đặt hàng (Purchaser) WM+ VTU 180-182 Võ Thị Sáu<br>Số điện thoại<br>Email 6731@winmart.masangroup.com<br>Ngày giao (Delivery Date) 04.01.2023<br>Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

| Stt<br>(No.)                                    | Tên hàng<br>(Item Description)                 | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| 10                                              | 10005981<br>THU HẰNG Bắp bò muối gói 200g      | 8938508668137        | 15                     | G1            | 87,787                  | 1,316,805                    |
| 20                                              | 10638307<br>THU HẰNG Giò tai lười xào gói 250g | 8938529045030        | 20                     | G1            | 40,146                  | 802,920                      |
| Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount) |                                                |                      |                        |               |                         | 2,119,725                    |
| - 5% (VAT)                                      |                                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 3% (VAT)                                      |                                                |                      |                        |               |                         | 169,578                      |
| - 10% (VAT)                                     |                                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 15% (VAT)                                     |                                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| Thuế GTGT (VAT Amount)                          |                                                |                      |                        |               |                         | 169,578                      |
| Tổng giá trị đơn hàng (Total amount) <i>CMK</i> |                                                |                      |                        |               |                         | 2,289,303                    |

Người lập đơn hàng  
(Created By)

Quản lý ngành hàng  
(Department Manager)

Quản lý siêu thị  
(Store Manager)

Giám đốc cấp 2  
(Regional Director)

### Nhà cung cấp lưu ý:

- Giá mua trên đơn đặt hàng là giá mua chính thức, nếu có chênh lệch so với báo giá thì báo lại nhân viên đặt hàng để điều chỉnh giá trước khi giao hàng.
- Vui lòng điền số đơn đặt hàng và mã nhà cung cấp vào hóa đơn và phiếu giao hàng.